



Nội dung chính

- I. Nguồn gốc, khái niệm của pháp luật
- II. Bản chất của pháp luật
- III. Thuộc tính của pháp luật
- IV. Kiểu pháp luật
- V. Hình thức pháp luật
- VI. Mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác



I. Nguồn gốc, khái niệm của pháp luật



I. Nguồn gốc, khái niệm pháp luật

1. Quan điểm phi Mác - Xít

❖ **Thuyết thần học:**

Thượng đế
↓
Nhà nước
↓
Pháp luật



Thuyết tư sản:

Xã hội —————> Pháp luật



2. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin

Nhà nước – pháp luật

Cùng xuất hiện, tồn tại, phát triển và tiêu vong	- Là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử - Là sản phẩm của xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp	Có cùng những tiền đề để hình thành: sự tư hữu, giai cấp và đấu tranh giai cấp
--------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------



Thời kỳ cộng sản nguyên thủy

- ❖ Chưa có NN → chưa có PL
- ❖ Trật tự xã hội được duy trì bằng: phong tục, tập quán, đạo đức, các tín điều tôn giáo

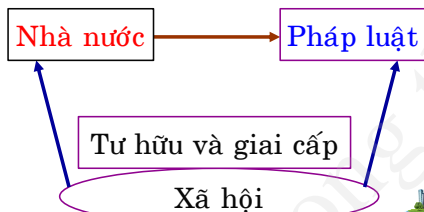


Khi xã hội hình thành giai cấp:

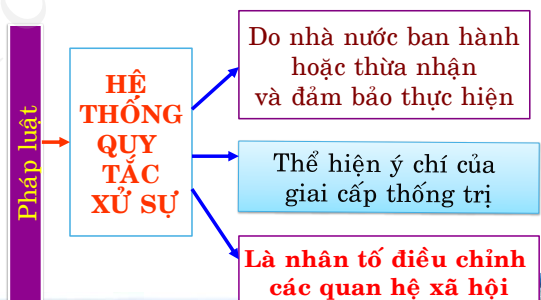
- ❖ Giai cấp sở hữu tài sản → giai cấp thống trị
- ❖ Giai cấp thống trị
 - Nhà nước
 - Pháp luật
 (chọn lọc những phong tục, tập quán, tín điều tôn giáo có lợi cho mình và đề ra những quy định mới)



Những nguyên nhân làm xuất hiện nhà nước cũng chính là những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật



Khái niệm pháp luật



II. Bản chất của pháp luật

Tính giai cấp

Tính xã hội



1. Bản chất giai cấp (Tính giai cấp)

Nhà nước → Pháp luật
PL thể hiện ý chí nhà nước của giai cấp thống trị.

Pháp luật định hướng các quan hệ xã hội phát triển theo mục tiêu, trật tự phù hợp ý chí của giai cấp thống trị

Pháp luật bảo vệ, củng cố quyền lợi, địa vị của giai cấp thống trị



2. Bản chất xã hội (Tính xã hội)

- ❖ Pháp luật còn là công cụ, phương tiện để tổ chức đời sống xã hội
- ❖ Pháp luật còn phải thể hiện ý chí và lợi ích của các giai tầng khác trong XH ở những mức độ khác nhau tùy thuộc vào bản chất của NN đó



III. Thuộc tính của pháp luật

1. Khái niệm:

Thuộc tính của pháp luật là:

- những dấu hiệu riêng có
- để phân biệt pháp luật với các quy phạm xã hội khác



III. Thuộc tính của pháp luật



IV. Kiểu pháp luật

- ❖ Là tổng thể các dấu hiệu và đặc trưng cơ bản của PL
- ❖ Thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại, phát triển của PL
- ❖ Trong một hình thái KT-XH nhất định



1 Kiểu pháp luật chủ nô:

- ❖ Được xây dựng trên nền tảng chiếm hữu tư nhân của giai cấp chủ nô
- ❖ Là công cụ bảo vệ chế độ chiếm hữu nô lệ:
 - Quy định đặc quyền đặc lợi của chủ nô
 - Sự bất bình đẳng giữa chủ nô và nô lệ, giữa nam và nữ
- ❖ Thể hiện không rõ nét lắm, vai trò quản lý XH



2. Kiểu pháp luật phong kiến

- ❖ Thể hiện ý chí của giai cấp địa chủ, phong kiến
- ❖ Bảo vệ chế độ tư hữu
- ❖ Quy định đẳng cấp trong XH
- ❖ Quy định những đặc quyền, đặc lợi của địa chủ, những hình phạt dã man



3. Kiểu pháp luật tư sản:

- ❖ Là công cụ bảo vệ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất...
- ❖ Quy định về quyền tự do, dân chủ của công dân, tuy thực tế vẫn còn phân biệt chủng tộc, màu da...



4. Kiểu pháp luật XHCN

- ❖ Thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động
 - ❖ Bảo vệ quyền lợi của nhân dân
 - ❖ Những quy định nhằm hạn chế sự bóc lột, xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, xoá bỏ giai cấp
 - ❖ Quy định và bảo vệ quyền tự do dân chủ của nhân dân
- Thể hiện tính xã hội nổi trội.

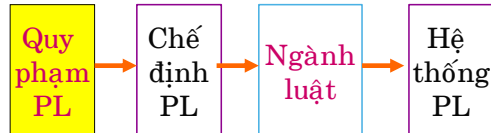


2. Hình thức PL

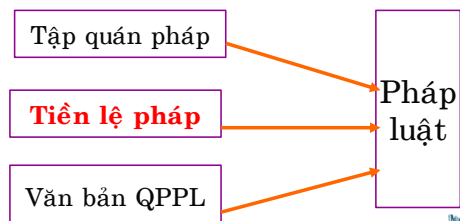
- ❖ Là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành PL
- ❖ Các dạng hình thức pháp luật:
 - + Hình thức bên trong (Hình thức cấu trúc)
 - + Hình thức bên ngoài (Nguồn của pháp luật)



Hình thức cấu trúc bên trong của pháp luật



Hình thức bên ngoài của pháp luật (nguồn của pháp luật)



Tập quán pháp

- ❖ Là hình thức NN thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong XH
- ❖ Phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, lợi ích của XH
- ❖ Nâng lên thành những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung
- ❖ Được NN đảm bảo thực hiện



Ví dụ:

- ❖ Hội, hội, biểu, phường
- ❖ Khoản 4 Điều 409 BLDS 2005 quy định: khi hợp đồng có điều khoản hoặc ngôn từ khó hiểu thì phải được giải thích theo tập quán tại địa điểm nơi giao kết hợp đồng



Tiền lệ pháp:

- ❖ Là hình thức NN thừa nhận một số quyết định của cơ quan hành chính và cơ quan xét xử trong khi giải quyết các vụ việc xảy ra,
- ❖ Rồi lấy đó làm mẫu cho cách giải quyết đối với các vụ việc khác tương tự xảy ra sau đó



Văn bản quy phạm pháp luật

- ❖ Là những văn bản do cơ quan NN có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định, trong đó chứa đựng các quy tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần trong đời sống XH



V. Mối quan hệ giữa PL với những hiện tượng XH khác

1. Giữa Pháp luật với Nhà nước

- ❖ Là những yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng
- ❖ Cùng sinh ra và tồn tại trong xã hội có giai cấp
- ❖ Có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau



1.2 Tác động qua lại với nhau

Pháp luật



Nhà nước

- PL là công cụ chủ yếu nhất để quản lý XH
- Tổ chức thực hiện quyền lực NN
- NN cũng phải tuân theo PL



Nhà nước tác động đến pháp luật

Nhà nước



Pháp luật

- NN ban hành pháp luật
- NN dùng quyền lực của mình để đảm bảo cho PL được tôn trọng và thực hiện



2. Pháp luật – Chính trị

- ❖ PL là một trong những hình thức biểu hiện cụ thể của chính trị
- ❖ Điểm giống:
 - Điều phản ánh lợi ích của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, phản ánh các mối quan hệ về kinh tế
 - Điều là công cụ thực hiện và bảo vệ quyền lực NN



Tác động qua lại:

- ❖ Pháp luật là sự cụ thể hóa đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền
- Ví dụ: Tại Việt Nam,
 - ❖ Đường lối chính sách của Đảng → Pháp luật
 - ❖ Ngược lại, nhờ vào PL, các đường lối chính trị của Đảng được triển khai



3. Mối quan hệ giữa PL với kinh tế

- ❖ Kinh tế giữ vai trò quyết định đến pháp luật
- ❖ Pháp luật có tính độc lập tương đối và có sự tác động mạnh mẽ đến kinh tế
- ❖ Tác động qua lại lẫn nhau



Kinh tế → Pháp luật

- ❖ Các quan hệ KT là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự ra đời của PL, quyết định nội dung, tính chất và cơ cấu của PL.
- ❖ KT thay đổi → PL thay đổi



Pháp luật → Kinh tế

- ❖ Tích cực: thúc đẩy sự phát triển kinh tế
- ❖ Tiêu cực: kìm hãm sự phát triển của kinh tế



4. Pháp luật – đạo đức

- ❖ Điều chỉnh đến các hành vi xử sự của con người.
- ❖ Đạo đức là quy phạm bất thành văn dựa trên lương tâm và lẽ công bằng, không mang tính quyền lực, không mang tính cưỡng chế



Tác động:

- ❖ Pháp luật và đạo đức hỗ trợ và bổ sung cho nhau
- ❖ Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ lệ thuộc nhau

